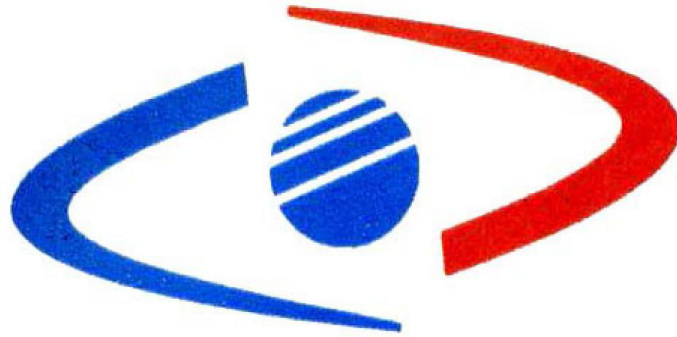


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

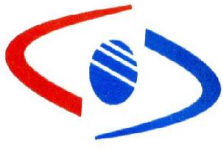


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU

ĐÔNG NAM Á HAMICO

Hà Nam, Ngày 20 tháng 03 năm 2014.



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700212810 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/09/2009, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 23/08/2012
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỉ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỉ đồng)
- Địa chỉ : Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Số điện thoại : 0351.3848888
- Số fax : 0351.3850869
- Website : <http://www.hangermetal.com>
- Mã cổ phiếu : KSD

2. Quá trình hình thành và phát triển

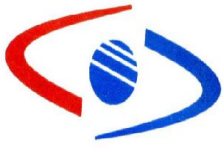
Tổng Công ty cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico, tiền thân là Tổng Công ty TNHH Đông Nam Á, thành lập vào tháng 03 năm 2003, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là lắp ráp điều hòa, máy giặt.

Tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty TNHH Đông Nam Á chuyển đổi thành Tổng Công ty cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico, vốn điều lệ là 56.880.000.000 VND; lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất và xuất khẩu mắc quần áo.

Tháng 11 năm 2009, Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn khoáng sản Hamico

Quý IV năm 2010 Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico phát hành thành công 631.200 trái phiếu chuyển đổi mã KSD_CB2010

Ngày 08/02/2011, Tổng Công ty đã chuyển thành công 504.950 trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu. Ngày 25/03/2011, Tổng Công ty đã thực hiện niêm yết bổ sung 5.049.500 cổ phiếu, đưa tổng số cổ phần niêm yết của Tổng Công ty lên 10.737.500 cổ phiếu tương đương với 107.375.000.000 đồng. Ngày 27/09/2012, Tổng Công ty đã thực hiện niêm yết bổ sung 1.262.500 cổ phiếu, đưa tổng số cổ phần niêm yết của Tổng Công ty lên 12.000.000 cổ phiếu tương đương với 120.000.000.000 đồng



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất thiết bị gia đình: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt; Sản xuất các mặt hàng:

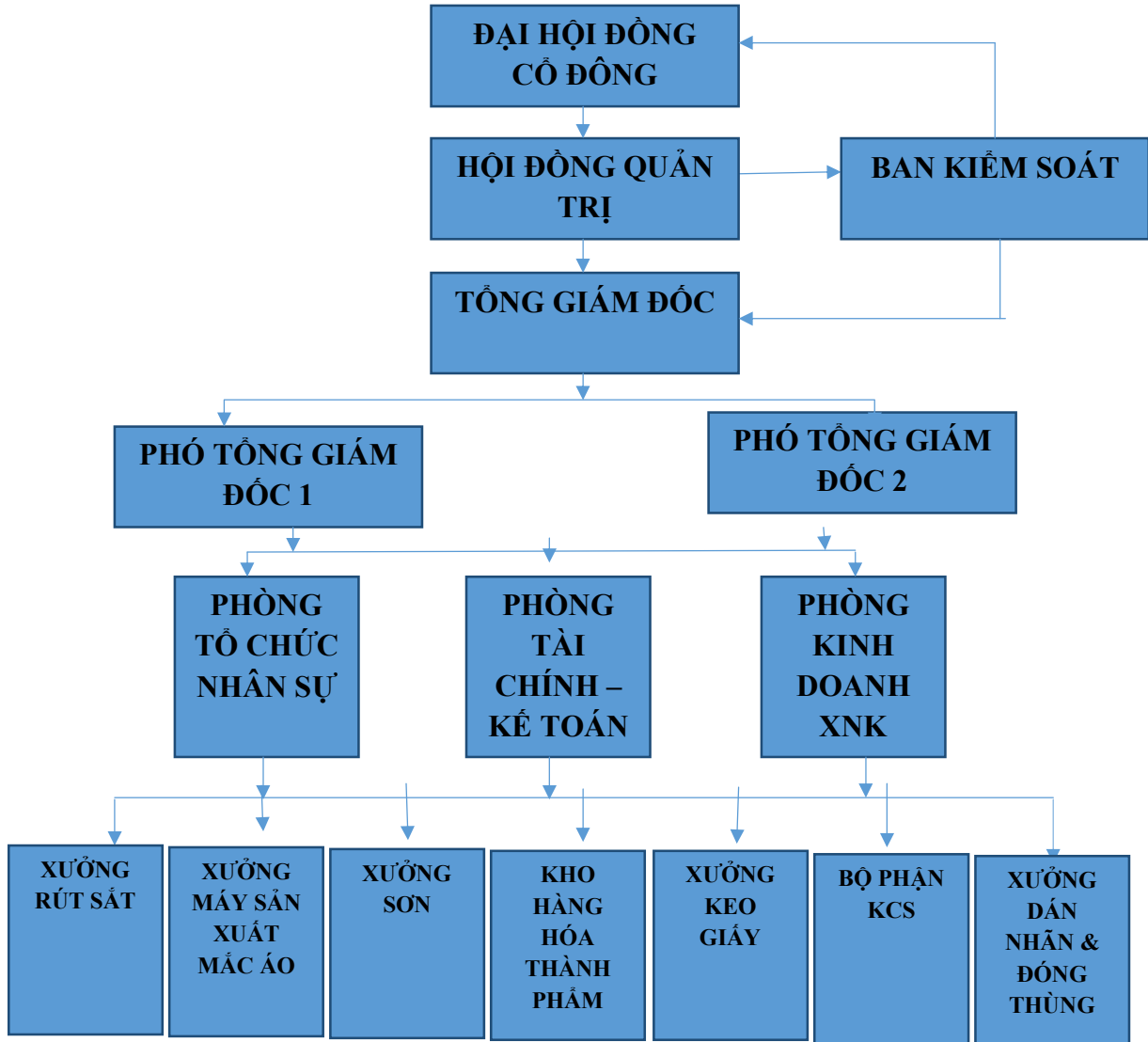
Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác

- Mua bán và đại lý hàng hóa: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện tử, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị đồ dùng gia đình khác
 - Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
 - Dịch vụ vườn cây cảnh, non bộ, công viên, vườn thú, kinh doanh du lịch sinh thái
 - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng; Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì;
 - Sản xuất các mặt hàng: Cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại;
 - Sản xuất chế biến các loại gỗ tự nhiên và công nghiệp;
 - Sản xuất, gia công kinh doanh xuất nhập khẩu hàng: Dệt may và may mặc, nguyên liệu và máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất;
 - Sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại “METAL HANGERS”;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Xuất nhập khẩu: Hàng điện lạnh điện tử, điện cơ, điện máy, thiết bị vật tư, đồ dùng gia đình khác; các sản phẩm từ khai thác chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất của Tổng Công ty;
 - Vận tải hành khách bằng taxi; khai thác, chế biến khoáng sản;
 - Cho thuê nhà xưởng để làm văn phòng và xưởng sản xuất; Cho thuê kho bãi, thiết bị;
 - Mua bán ô tô, xe máy, xe đạp; mua bán vải, hàng sành sứ, hoạt động mua bán: rượu, bia, bánh kẹo; mua bán gỗ, chế biến than đá, quặng, phế liệu;
 - Mua bán vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
 - Xuất nhập khẩu khoáng sản, sắt thép
 - Xuất nhập khẩu, mua bán máy, thiết bị và vật tư, phụ tùng máy công, nông nghiệp
 - Xuất nhập khẩu và mua bán các sản phẩm kim loại và quặng kim loại Sản phẩm chính của Tổng Công ty:
 - Sản xuất và xuất khẩu sản phẩm mắc treo quần áo;
- #### b) Địa bàn kinh doanh: Các sản phẩm mắc áo của Tổng Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu;
- #### c) Địa bàn hoạt động: tỉnh Hà Nam



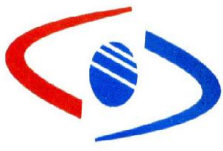
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Cơ cấu bộ máy quản lý.



5. Định hướng phát triển

- Trong năm 2014 Tổng Công ty sẽ cố gắng tiếp tục duy trì sự ổn định hoạt động của Nhà máy, bên cạnh đó Nhà máy liên doanh tại Lào sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý còn lại và dự kiến đi vào hoạt động sản xuất đầu năm 2014.
- Công ty đang nghiên cứu các mặt hàng mây tre đan, dây thép mạ kẽm để xuất khẩu, nếu được thị trường chấp nhận, các mặt hàng này trong tương lai có thể trở thành mặt hàng chiến lược của Tổng Công ty.



- Sau một thời gian thăm dò thị trường và nhu cầu của khách hàng về một số mặt hàng mới. Dự án liên doanh thành lập Công ty thương mại tại Mỹ dự kiến sẽ tiến hành triển khai trong năm 2014.
- Tổng Công ty tiếp tục thực hiện chủ trương tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh như thu hẹp lại diện tích nhà xưởng và đang tìm đối tác để cho thuê lại nhà xưởng, máy móc không sử dụng.

6. Các rủi ro

a) Rủi ro kinh tế

– Tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh

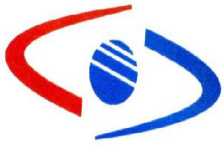
Bước sang năm 2014, kinh tế Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức do nền kinh tế thế giới phục hồi chậm, khủng hoảng nợ công kéo dài ở khu vực châu Âu, thâm hụt ngân sách ở các nước phát triển... Ở trong nước, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, nợ xấu, lạm phát, lãi suất chưa ổn định ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất đời sống của nhân dân. Hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn, sức mua trong nước giảm... ,

Những khó khăn và bất ổn về kinh tế sẽ ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico trong năm 2014. Tổng Công ty luôn xác định rủi ro về tăng trưởng kinh tế là một trong những rủi ro cơ bản đối với không chỉ Tổng Công ty mà còn là rủi ro mang tính

Lạm phát

Lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ kéo theo giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, dẫn đến giá thành sản phẩm của Tổng Công ty cao, gây khó khăn cho Tổng Công ty trong công tác bán hàng và kiểm soát chi phí.

Năm 2014, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, bước đầu Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan. Tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty,



giúp Tổng Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định. Do đó, rủi ro về lạm phát đối với Tổng Công ty trong 2014 không phải là điều đáng lo ngại.

– Lãi suất

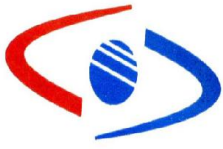
Do ảnh hưởng từ lạm phát, trong thời gian qua lãi suất ở Việt Nam luôn duy trì ở mức cao. Lãi suất cho vay cao khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ sản xuất và làm tăng chi phí cho các doanh nghiệp. Trong năm 2013, lãi suất cho vay đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh theo xu hướng giảm, tuy nhiên tình trạng dòng vốn bị tắc nghẽn vẫn đang là vấn đề cấp bách cần giải quyết với cả ngân hàng và các doanh nghiệp. Về phía Tổng Công ty cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico bước sang năm 2014 với chính sách phòng tránh rủi ro lãi suất, đồng thời với dòng tiền khá ổn định, Tổng Công ty đã hạn chế sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh..

– Tỷ giá

Những biến động về tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh doanh liên quan đến ngoại tệ (như xuất khẩu sản phẩm, hàng hoá, nhập khẩu nguyên vật liệu...). Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico hoạt động trong lĩnh vực sản xuất liên quan đến các nguyên vật liệu đầu vào như sắt thép, ống giấy, giấy dán ...vv, nên mặc dù đã có nhiều biện pháp hạn chế sử dụng các thiết bị ngoại nhập, tuy nhiên tỷ giá hối đoái vẫn là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

b) Rủi ro luật pháp

Là một Tổng Công ty đại chúng, Tổng Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Khi thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Tổng Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chính sự điều chỉnh này sẽ làm cho hoạt động của Tổng Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị Tổng Công ty. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ, tính ổn định chưa cao, do đó các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể sẽ gây lúng túng cho các doanh nghiệp.



Để hạn chế rủi ro này, Tổng Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu nắm bắt các quy định mới của pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

c) Rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty

– Rủi ro ngành

Nguồn nguyên liệu sản xuất chính đầu vào của Công ty là mặt hàng sắt thép, ống giấy, giấy dán, bao bì .. vv đây là những mặt hàng giá cả thường xuyên biến động nên ảnh trực tiếp tới giá sản phẩm đầu ra của Công ty.

d) Rủi ro khác

Hoạt động của Tổng Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh, bão lớn .v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

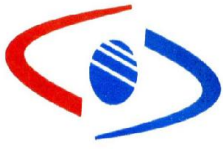
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2013 Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico đạt doanh thu 77.773.277.133 đồng, đạt mức lợi nhuận trước thuế là 507.740.581 đồng, mức lợi nhuận sau thuế đạt 507.740.581 đồng.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Mức độ hoàn thành (%)
Vốn điều lệ (VND)	170.000.000.000	120.000.000.000	70.59%
Doanh thu (VND)	50.000.000.000	77.773.277.133	155%
Lợi nhuận sau thuế (VND)	400.000.000	507.740.581	127%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	0.8%	0.65%	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	0.24%	0.42%	
Cổ tức (%)	0	0	



2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

– Các thành viên Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Bùi Việt Vương	Tổng Giám đốc	20/05/1982	480.000	4.00
Đoàn Minh Dũng	Phó Tổng giám đốc	10/07/1961	310.000	2.58
Lý Trung Chi	Phó Tổng giám đốc	13/11/1973	0	0
Đàm Thị Ái Len	Giám đốc tài chính	16/05/1976	0	0
Nguyễn Hồng Tuân	Kế toán trưởng	20/02/1988	0	0

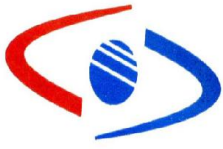
– Sơ yếu lý lịch các thành viên ban điều hành:

❖ **Tổng Giám đốc - Ông Bùi Việt Vương**

- + Họ và tên : Bùi Việt Vương
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 20/05/1982
- + Nơi sinh : Tổng Phan, Phù Cừ, Hưng Yên
- + CMND : 145076071 cấp ngày 06/04/1999 tại công an Hưng Yên
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chỗ ở hiện tại : Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Số điện thoại : 0351 3840 408
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh

• Quá trình công tác:

- + Từ năm 2008 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ hiện nay : Tổng giám đốc
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO

Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

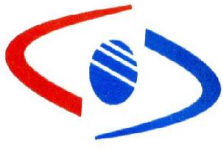
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 480.000 cổ phần chiếm 0.47% tổng số cổ phần của Tổng Công ty
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

❖ Phó Tổng giám đốc – Đoàn Minh Dũng

- + Họ và tên : Đoàn Minh Dũng
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 10/07/1961
- + Nơi sinh : Hồ Nam, Lê Chân, Hải Phòng
- + CMND : 031 130 686 cấp ngày 10/04/1998 tại CA. Hải Phòng
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chỗ ở hiện tại : Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Số điện thoại : 0351 3848 888
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Quản lý

• Quá trình công tác:

- + Từ năm 2003 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico.
- + Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 310.000 cổ phần chiếm 2.89% tổng số cổ phần của Tổng Công ty



- + Số cổ phần đại diện : Không
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

❖ **Phó Tổng giám đốc – Lý Trung Chi**

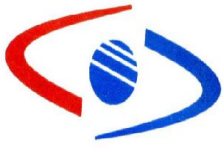
- + Họ và tên : Lý Trung Chi
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 13/11/1973
- + Nơi sinh : Nam Định
- + CMND : 161 967 946 cấp ngày 03/08/2007 tại tỉnh Nam Định
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Lê Công Thanh, Phủ Lý, Hà Nam
- + Chỗ ở hiện tại : Lê Công Thanh, Phủ Lý, Hà Nam
- + Số điện thoại : 0351 3848 888
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Quản lý

• Quá trình công tác:

- + Từ năm 2008 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc;
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 0 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện : Không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không

❖ **Giám đốc tài chính – Bà Đàm Thị Ái Len**

- + Họ và tên : **Đàm Thị Ái Len**
- + Giới tính : Nữ
- + Ngày sinh : 16/05/1976



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO

Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

- + Nơi sinh : Hà Nam
- + CMND : 168232418 cấp ngày 21/09/2004 tại công an Hà Nam
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam
- + Chỗ ở hiện tại : Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Số điện thoại : 0351 3840 408
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác:
- + Từ năm 2006 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ hiện nay : Giám đốc tài chính
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 0
- + Số cổ phần đại diện : Không
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

❖ Kế toán trưởng - Nguyễn Hồng Tuấn

- + Họ và tên : Nguyễn Hồng Tuấn
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 20/02/1988
- + Nơi sinh : Liêm Phong, Thanh Liêm, Hà Nam
- + CMND : 168187336 ngày cấp 27/01/2010 tại: Công an Hà Nam
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Liêm Phong, Thanh Liêm, Hà Nam
- + Chỗ ở hiện tại : Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Số điện thoại : 0351 3848 888
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán.



môn

• Quá trình công tác:

- + Từ năm 2010 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : Không có
- + Số cổ phần đại diện : Không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

b) Những thay đổi trong ban điều hành:

Năm 2013 không có thay đổi trong ban điều hành

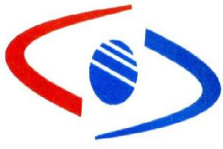
c) Số lượng lao động trong Tổng Công ty

Người lao động của Tổng Công ty năng động, sáng tạo, được đào tạo cơ bản và thường xuyên, đoàn kết và gắn bó với Tổng Công ty. Tổng số lao động đang làm việc tại Tổng Công ty tính đến thời điểm 31/12/2013 là 114 người. Với chính sách tuyển dụng lao động của mình, Tổng Công ty đã tập hợp được một tập thể lao động có chất lượng cao, kỷ luật, đoàn kết, trách nhiệm, sáng tạo, được đào tạo chính quy và bồi dưỡng thường xuyên

d) Chính sách đối với người lao động

Nhân tố con người từ lâu vẫn được coi là nguồn lực quý giá nhất của Doanh nghiệp. Nguồn nhân lực mạnh không những tạo cho Doanh nghiệp lợi thế cạnh tranh mà còn là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của Doanh nghiệp, do đó lãnh đạo Tổng Công ty đã rất chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo nhân lực.

+ *Chính sách tuyển dụng:*



Tổng Công ty thực hiện tuyển dụng lao động cả trong nội bộ lẫn bên ngoài Tổng Công ty nhằm mục đích tìm được những người có năng lực, trình độ đáp ứng được yêu cầu của công việc đồng thời phù hợp với định hướng phát triển của Tổng Công ty.

Trong nội bộ: Đề bạt các vị trí quản lý, lãnh đạo: Giám đốc, Quản đốc nhà máy, Trưởng phòng, phó phòng... đây là lực lượng lao động đã quen với công việc, hiểu biết rõ về Tổng Công ty, trung thành với Tổng Công ty.

Thu hút lao động bên ngoài doanh nghiệp:

Thông qua các phương tiện truyền thông, trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, thông báo tuyển dụng ở các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... Tổng Công ty thu hút lao động ở các lĩnh vực: công nhân kỹ thuật, kỹ sư, cử nhân kinh tế, ngoại ngữ, kế toán, ... ưu tiên những cá nhân có kinh nghiệm làm việc.

+ *Chính sách đào tạo:*

Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn và đáp ứng được yêu cầu hoạt động của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, căn cứ vào nhu cầu hoạt động, kế hoạch và quy hoạch cán bộ, Tổng Công ty cử người đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ ở trong nước hoặc ngoài nước nhằm tạo điều kiện cho người lao động ngày càng đảm đương tốt công việc được giao.

Người lao động được cử đi học thuộc đối tượng, tiêu chuẩn theo kế hoạch đào tạo hàng năm của Tổng Công ty và được thanh toán các chi phí liên quan đến khóa đào tạo theo quy định của Tổng Công ty.

+ *Chế độ làm việc*

Tổng Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật. Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát đảm bảo đến mức tối đa an toàn vệ sinh lao động, tạo điều kiện tốt nhất về điều kiện làm việc để người lao động phát huy được hiệu quả lao động.

+ *Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động*

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tiền lương là một yếu tố quan trọng của chi phí sản xuất, nó có quan hệ trực tiếp và tác động nhân quả đối với lợi nhuận của doanh nghiệp. Đối với các chủ doanh nghiệp, tiền lương là một yếu tố của chi phí sản xuất mà mục đích của các chủ doanh nghiệp là lợi nhuận; đối với người lao động, tiền lương nhận được thỏa đáng sẽ là động lực kích thích năng lực sáng tạo để làm tăng năng suất lao động.



Khi năng suất lao động tăng thì lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ tăng, từ đó lợi ích của người cung ứng sức lao động cũng tăng theo.

Hơn thế nữa, khi lợi ích của người lao động được đảm bảo bằng mức lương thỏa đáng sẽ tạo ra sự gắn kết người lao động với mục tiêu và lợi ích của doanh nghiệp, xóa bỏ đi sự ngăn cách giữa người sử dụng lao động với người lao động làm cho người lao động có trách nhiệm hơn với hoạt động của doanh nghiệp. Các nhà kinh tế gọi đó là “Phản ứng dây chuyền tích cực” của tiền lương. Ngược lại, khi lợi ích của người lao động không được chú ý đến, tiền lương không thỏa đáng sẽ dẫn đến nguồn nhân lực có thể bị giảm sút cả về số lượng và chất lượng, khi đó năng suất sẽ giảm và lợi nhuận cũng giảm. Do vậy, đối với doanh nghiệp việc xây dựng một hệ thống trả lương để làm sao tiền lương thực sự là một công cụ quản lý doanh nghiệp, một đòn bẩy kinh tế đầy hiệu quả,... đang là yêu cầu đặt ra đối với các doanh nghiệp trong xu thế hiện nay.

Để đảm bảo quyền làm việc, lợi ích và các quyền khác của người lao động, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, tạo điều kiện cho mối quan hệ lao động được hài hòa và ổn định, góp phần phát huy khả năng sáng tạo và tài năng của người lao động, nhằm đạt năng suất, chất lượng và tiến bộ xã hội trong lao động, sản xuất, hiệu quả trong sử dụng và quản lý lao động. Thực hiện công bằng trong công tác tiền lương, tiền công và tiền thưởng. Phân phối tiền lương theo lao động, chất lượng và hiệu quả công việc, gắn tiền lương với kết quả lao động cuối cùng của từng người, từng bộ phận; thực hiện quản lý chi phí nhân công hiệu quả hơn, góp phần vào sự phát triển chung của Tổng Công ty. Hàng năm, Tổng Công ty đều nghiên cứu xây dựng quy chế trả lương, tiền thưởng đối với người lao động đảm bảo tính dân chủ, công khai, công bằng, không trả lương mang tính bình quân.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Thực hiện nghị quyết số 0108/2013/KSD/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 08 năm 2013 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico thông qua Chủ trương góp vốn, đầu tư sang Lào bằng máy móc, thiết bị, công nghệ và một phần vốn lưu động với tổng giá trị vốn góp là 20 tỷ đồng. Trong năm 2013 Tổng Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng liên doanh với các bên và đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

Thực hiện triển khai nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2013/KSD/NQ-HDQT ngày 28/09/2013 về việc đầu tư góp vốn liên doanh sang Mỹ. Trong năm 2013 Tổng công ty đã thực hiện một số khảo sát thăm dò thị trường bằng việc gửi một số sản phẩm mẫu như hàng



thủ công mỹ nghệ, túi ni lông, các phụ kiện phục vụ giặt là bước đầu đã nhận được một số tín hiệu hết sức khả quan từ khách hàng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico không có Công ty con, Công ty liên kết.

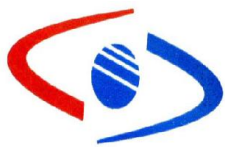
4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	103.401.492.207	105.626.359.804	-2.11%
Doanh thu thuần	77.773.277.133	120.248.446.694	- 35.32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-264.070.497	-38.646.992.207	99.31%
Lợi nhuận khác	771.811.078	3.743.895.605	-79.4%
Lợi nhuận trước thuế	507.740.581	-34.903.096.602	
Lợi nhuận sau thuế	507.740.581	-34.903.096.602	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,47	1,19	
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.18	0,94	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,23	0,25	
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,3	0,34	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	10.19	18,20	
	- Doanh thu thuần/tổng tài sản	Lần	0.75	1,14	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	0.65%	-29,03%	
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10.87%	-44,12%	
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0.49%	-33,04%	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

	- Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-0.34%	9.36%	
--	------------------------------------	---	--------	-------	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phần đang niêm yết : 12.000.000 Cổ phần

Khối lượng cổ phần đang lưu hành : 12.000.000 Cổ phần

Tổng Công ty không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông trong nước	12.000.000	120.000.000.000	100
II.	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổng cộng	12.000.000	120.000.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2013, Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico không tiến hành đợt tăng vốn cổ phần nào.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2013, Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico không tiến hành mua bán cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác:

Trong năm 2013, Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico không tiến hành phát hành các loại chứng khoán khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Kế hoạch 2013	So sánh 2013/Kế hoạch
1	Vốn điều lệ	120.000.000.000	170.000.000.000	70.59%
2	Doanh thu	77.773.277.133	50.000.000.000	155%
3	LNST	507.740.581	400.000.000	127%
4	Cổ tức	0%	0%	

2. Tình hình tài chính**a) Tình hình tài sản**



- **Tài sản ngắn hạn:** Tài sản ngắn hạn tính đến hết năm 2013 là 34.910.615.587 đồng, chiếm 33.76% trong tổng tài sản của Tổng Công ty.
- **Tài sản dài hạn:** Tài sản dài hạn tính đến hết năm 2013 là 68.490.876.620 đồng, chiếm 66.24% trong tổng tài sản của Tổng Công ty.

b) Tình hình nợ phải trả

- **Nợ phải trả:** Nợ phải trả là 23.781.467.400 đồng giảm 10.31% so với cùng kỳ năm trước.
- **Vay nợ ngắn hạn:** 23.758.717.400 đồng, giảm 10.38% so với cùng kỳ năm trước.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Trong năm 2013 Tổng Công ty vẫn giữ nguyên cơ cấu tổ chức, và chính sách quản lý nhằm tạo sự đồng bộ, nhất quán theo định hướng chung đã được định rõ của Đại hội cổ đông và ban lãnh đạo

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Chỉ tiêu	Năm 2014
1. Vốn điều lệ (VND)	120.000.000.000 đồng
2. Doanh thu (VND)	79.000.000.000 đồng
3. Lợi nhuận sau thuế (VND)	1.300.000.000 đồng
4. Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	16,45%
5. Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	1,08%
6. Cổ tức (%)	0

5. *Giải trình của Ban Giám Đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

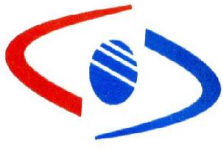
Ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận hoàn toàn với báo cáo tài chính công ty

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Tổng Công ty*

Trong năm 2013, Tổng Công ty hoàn thành xuất sắc kế hoạch đề ra, đó là sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Tổng Công ty. Trong điều kiện kinh tế khó khăn năm 2013, ban giám đốc cùng với cán bộ công nhân viên đưa ra nhiều sáng kiến nhằm khắc phục khó khăn.

Ban giám đốc, đã tham gia đầy đủ và nghiêm túc lắng nghe ý kiến chỉ đạo của hội đồng quản trị trong các cuộc họp giao ban hàng quý



2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2014, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Tổng Công ty như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển 2 dự án tại Lào và Mỹ.
- Tìm ngành hàng mới thay thế sản phẩm mắc áo cụ thể như các mặt hàng mây tre đan, dây thép mạ kẽm để xuất khẩu, nếu được thị trường chấp nhận, các mặt hàng này trong tương lai có thể trở thành mặt hàng chiến lược của Tổng Công ty
- Công ty đang tìm đối tác để cho thuê lại nhà xưởng, máy móc không sử dụng và cho thuê phương tiện vận tải của doanh nghiệp

V. Quản trị Tổng Công ty

1. Hội đồng quản trị

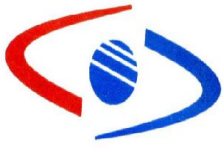
a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
Ông Trương Duy Thắng	Chủ tịch HĐQT	30/03/1975	300.000	2.79
Ông Nguyễn Hữu Biền	Phó chủ tịch HĐQT	13/04/1959	104.600	1.91
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên HĐQT	08/08/1970	328.700	2.74
Ông Đoàn Minh Dũng	Thành viên HĐQT	10/07/961	310.000	2.58
Ông Bùi Việt Vương	Thành viên HĐQT	20/05/1982	480.000	4.00

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị.

❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị - Trương Duy Thắng

- + Họ và tên : Trương Duy Thắng
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 30/03/1975
- + Nơi sinh : Hải Phòng
- + CMND : 031.325.937
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : 466 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng
- + Chỗ ở hiện tại : 466 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng
- + Số điện thoại : 0351.3848.888
- + Trình độ văn hóa : 12/12



+ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh, kỹ sư Xây dựng

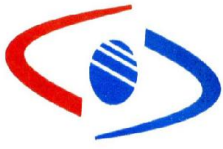
• Quá trình công tác:

- + 2005-2008 Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Giám định XD Sao Việt
- + 2006-2009 CEO Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng COEM
- + 2008- Nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đào tạo và Quản trị Quốc tế
- + 2009- Nay CEO Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Giám định XD Sao Việt

- + Chức vụ hiện nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : CEO Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Giám định XD Sao Việt
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : không
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 300.000 cổ phần
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

❖ **Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Hữu Biên**

- + Họ và tên : Nguyễn Hữu Biên
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 13/04/1959
- + Nơi sinh : Nam Định
- + CMND : 023286838 cấp ngày 15/03/2004 tại công an TP.HCM
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chỗ ở hiện tại : Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Số điện thoại : 0351 3848 888
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Quản lý

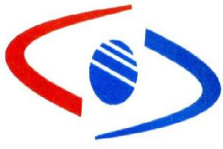


• Quá trình công tác:

- + Từ năm 1975 đến năm 1987 làm việc tại Dịch vụ tàu biển Hải Phòng
- + Từ năm 1987 đến năm 2002 làm việc tại Dịch vụ tàu biển Thành Phố Hồ Chí Minh
- + Từ năm 2003 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao Hội đồng quản trị
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 104.600 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện : Không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

❖ **Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Hoàng Quốc Tùng**

- + Họ và tên : Hoàng Quốc Tùng
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 08/08/1970
- + Nơi sinh : Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng
- + CMND : 030790476 cấp ngày 05/05/2002 tại CA Hải Phòng
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng
- + Chỗ ở hiện tại : Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Số điện thoại : 0351 3848 888
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Quản lý



• Quá trình công tác:

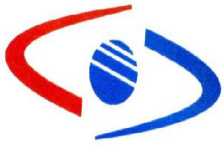
- + Từ năm 2003 đến năm 2003 làm việc tại Công ty TNHH Tùng Dương
- + Từ năm 2003 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao thành viên hội đồng quản trị
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 328.000 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện : Không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

❖ Ủy viên Hội đồng quản trị – Ông Đoàn Minh Dũng

- + Họ và tên : Đoàn Minh Dũng
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 10/07/1961
- + Nơi sinh : Hồ Nam, Lê Chân, Hải Phòng
- + CMND : 031130606 cấp ngày 10/04/1998 tại công an Hải Phòng
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Hồ Nam, Lê Chân, Hải Phòng
- + Chỗ ở hiện tại : Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Số điện thoại : 0351 3848 888
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Quản lý

• Quá trình công tác:

- + Từ năm 2003 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không



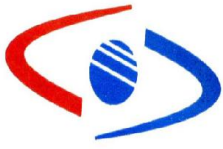
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao Hội đồng quản trị
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 310.000 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện : Không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

❖ Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Bùi Việt Vương

- + Họ và tên : Bùi Việt Vương
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 20/05/1982
- + Nơi sinh : Tổng Phan, Phù Cừ, Hưng Yên
- + CMND : 145076071 ngày cấp 06/04/1999 tại: Công an Hưng Yên
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Tổng Phan, Phù Cừ, Hưng Yên
- + Chỗ ở hiện tại : Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Số điện thoại : 0351 3848 888
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

• Quá trình công tác:

- + Từ năm 2008 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao Hội đồng quản trị
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 480.000 cổ phần



- + Số cổ phần đại diện : Không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico không có tiểu ban trực thuộc

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

– Các cuộc họp của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Trương Duy Thắng	Chủ tịch	06	100%	
2	Nguyễn Hữu Biền	Phó Chủ tịch	06	100%	
3	Hoàng Quốc Tùng	Thành viên	06	100%	
4	Đoàn Minh Dũng	Thành viên	06	100%	
5	Bùi Việt Vương	Thành viên	06	100%	

– Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định để đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và hỗ trợ Ban giám đốc điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

Hội đồng quản trị thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ của mình, giám sát tốt việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, Ban điều hành Tổng Công ty. Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc, Ban điều hành; quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng; cụ thể:

- + Tổ chức họp xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2013;
- + Kiểm tra tình hình chấp hành tuân thủ các quy định của Pháp luật đối với hoạt động của Tổng Công ty.



+ Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành các hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ra quyết định

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tích cực tham gia quản trị Tổng Công ty nói chung cũng như Ban giám đốc nói riêng; đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là để kiện toàn công tác quản trị Tổng Công ty; đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico không tiểu ban trực thuộc.

2. Ban Kiểm soát

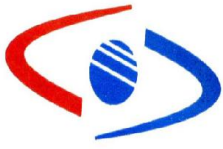
a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Trưởng Ban kiểm soát	01/03/1981	0	0
Ông Hoàng Văn Thủy	TV Ban Kiểm soát	11/11/1969	0	0
Bà Lưu Thị Hằng	TV Ban kiểm soát	30/10/1982	0	0

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

❖ Trưởng Ban kiểm soát – Phạm Thị Xuân Hương

- + Họ và tên : Phạm Thị Xuân Hương
- + Giới tính : Nữ
- + Ngày sinh : 01/03/1981
- + Nơi sinh : Tiên Tân, Duy Tiên, Hà Nam
- + CMND : 168 331 764
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Tiên Tân, Duy Tiên, Hà Nam
- + Chỗ ở hiện tại : Tiên Tân, Duy Tiên, Hà Nam
- + Số điện thoại : 0351 3848 888
- + Trình độ văn hóa : 12/12



+ Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán

• Quá trình công tác:

+ Từ năm 2004 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico

+ Chức vụ hiện nay : Trưởng ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico

+ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

+ Hành vi vi phạm pháp luật : Không

+ Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không

+ Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao BKS

+ Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không

+ Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 0

+ Số cổ phần đại diện : 0

+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

❖ Ủy viên Ban Kiểm soát – Lưu Thị Hằng

+ Họ và tên : Lưu Thị Hằng

+ Giới tính : Nữ

+ Ngày sinh : 30/10/1982

+ Nơi sinh : Hà Nam

+ CMND : 168 052 574

+ Quốc tịch : Việt Nam

+ Dân tộc : Kinh

+ Địa chỉ thường trú : 316 Trần Thị Phúc, Phủ Lý, Hà Nam

+ Chỗ ở hiện tại : 316 Trần Thị Phúc, Phủ Lý, Hà Nam

+ Số điện thoại : 0351 3848 888

+ Trình độ văn hóa : 12/12

+ Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD

• Quá trình công tác:

+ Từ năm 2008 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico

+ Chức vụ hiện nay : Thành viên ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico



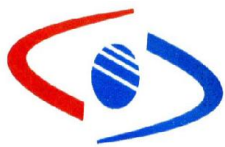
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao BKS
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 0
- + Số cổ phần đại diện : 0
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

❖ Ủy viên Ban kiểm soát – Hoàng Văn Thủy

- + Họ và tên : Hoàng Văn Thủy
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 11/11/1969
- + Nơi sinh : Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam
- + CMND : 168 206 851
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Địa chỉ thường trú : Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam
- + Chỗ ở hiện tại : Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam
- + Số điện thoại : 0351 3848 888
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Quản lý

• Quá trình công tác:

- + Từ năm 2003 đến nay làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ hiện nay : Thành viên ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần xuất khẩu Đông Nam Á Hamico
- + Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- + Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không
- + Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao BKS
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty : Không
- + Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 0



- + Số cổ phần đại diện : 0
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty : Không có

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có 03 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

Đại diện Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Tổng Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013.

Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2013 của Tổng Công ty.

Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

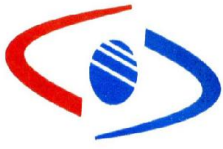
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Nội dung	Số tiền 1 tháng	Số tiền cả năm 2013	Ghi chú
1	Thù lao Chủ tịch HĐQT	3000.000	36.000.000	
2	Thù lao Thành viên HĐQT (04 người)	2000.000	96.000.000	
2	Thù lao thành viên BKS(03 người)	1000.000	36.000.000	
	Tổng cộng		168.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Ông Trương Duy Thắng	CDNB	0	0	300.000	2,5	Cơ cấu danh mục đầu tư
2	Ông Hoàng Quốc Tùng	CDNB	18.000	0.17	328.700	2,74	Cơ cấu danh mục đầu tư



3	Ông Đoàn Minh Dũng	CĐNB	45.000	0.37	310.000	2,58	Cơ cấu danh mục đầu tư
4	Ông Bùi Việt Vương	CĐNB	40.000	0.33	480.000	4,00	Cơ cấu danh mục đầu tư

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Năm 2013, Cổ đông nội bộ Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico không có giao dịch nào với Tổng Công ty.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng Công ty:

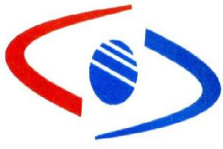
Năm 2013, Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico không có nội dung nào chưa thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý Tổng Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO

Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

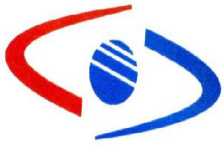
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU

ĐÔNG NAM Á HAMICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	01 - 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 27



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico như sau:

1. Khái quát chung về Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico

Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đông Nam Á. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.212.810 ngày 29/9/2009, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 04/12/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại đường Lê Chân, Khu công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2013 là **120.000.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Mã chứng khoán niêm yết: KSD.

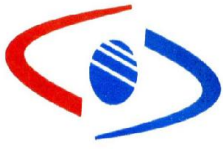
2. Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là sản xuất mắc áo, mắc quần xuất khẩu, kinh doanh thép, bán máy móc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất đồ điện dân dụng: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt;
- Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ, và vật liệu tết bện;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất các mặt hàng: Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Xuất nhập khẩu hàng: điện lạnh, điện tử, điện cơ, điện máy, thiết bị, vật tư, đồ dùng gia đình khác, các sản phẩm từ khai thác, chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty;
- Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất các mặt hàng: cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại;
- Sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại "METAL HANGERS";
- Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì;
- Sản xuất, gia công kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt may và may mặc, nguyên liệu, máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất;



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

1. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

2. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chế độ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

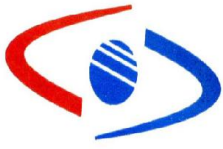
Tổng Giám đốc cam kết đã cung cấp toàn bộ số, chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Tổng Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc

Bùi Việt Vương



Số: 131258 /HĐKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 17/01/2014, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

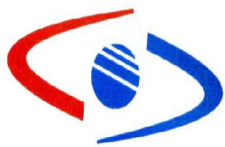
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
& DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Phó Giám đốc**

Kiểm toán viên

Vũ Khánh Linh
Số CNĐKHNKT: 2355-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Vũ Khắc Chuyên
Số CNĐKHNKT: 0160-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt nam cấp



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	TK	Thuyết minh	31/12/2013 đ	01/01/2013 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			34,910,615,587	31,613,573,063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			310,003,991	104,987,904
1. Tiền	111	111	V.1	310,003,991	104,987,904
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			26,230,642,176	23,519,599,782
1. Phải thu khách hàng	131	131N		22,244,982,262	12,677,334,207
2. Trả trước cho người bán	132	331NDN		498,562,234	151,647,000
5. Các khoản phải thu khác	135	138N	V.3	3,817,097,680	10,921,618,575
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	139N		(330,000,000)	(231,000,000)
IV. Hàng tồn kho	140			6,985,516,828	6,608,589,596
1. Hàng tồn kho	141	154	V.4	6,985,516,828	6,608,589,596
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			1,384,452,592	1,380,395,781
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	142		40,240,482	700,000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	133		1,200,453,483	1,286,919,706
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	333N	V.5	24,827,211	24,827,211
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	1381		118,931,416	67,948,864
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200			68,490,876,620	74,012,786,741
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			0	0
II. Tài sản cố định	220			64,921,353,529	70,344,711,828
1. Tài sản cố định hữu hình	221		V.8	64,896,352,529	70,318,846,332
<i>Nguyên giá</i>	222	211		87,327,609,719	88,669,597,725
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	2141		(22,431,257,190)	(18,350,751,393)
3. Tài sản cố định vô hình	227		V.10	0	943,746
<i>Nguyên giá</i>	228	213		0	15,100,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	2143		0	(14,156,254)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	241	V.11	25,001,000	24,921,750
III. Bất động sản đầu tư	240			0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260			3,569,523,091	3,668,074,913
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	242	V.14	3,569,523,091	3,668,074,913
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			103,401,492,207	105,626,359,804



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	TK	Thuyết minh	31/12/2013 đ	01/01/2013 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300			23,781,467,400	26,514,075,578
I. Nợ ngắn hạn	310			23,758,717,400	26,501,075,578
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	311	V.15	17,853,395,047	18,451,872,846
2. Phải trả người bán	312	331		4,436,473,610	6,749,409,338
3. Người mua trả tiền trước	313	131NT		51,553,096	187,792,176
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	333	V.16	600,768,332	393,704,001
5. Phải trả người lao động	315	334		457,957,341	403,943,709
6. Chi phí phải trả	316	335	V.17	140,510,235	127,084,783
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	338N	V.18	213,507,739	182,716,725
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	353		4,552,000	4,552,000
II. Nợ dài hạn	330			22,750,000	13,000,000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	3387		22,750,000	13,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			79,620,024,807	79,112,284,226
I. Vốn chủ sở hữu	410		V.22	79,620,024,807	79,112,284,226
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4111		120,000,000,000	120,000,000,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	414		50,000,000	50,000,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	415		50,000,000	50,000,000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	421		(40,479,975,193)	(40,987,715,774)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440			103,401,492,207	105,626,359,804

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		524.47	168.86

Hà Nam, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Nguyễn Hồng Tuấn

Bùi Việt Vương



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	TK	Thuyết minh	Năm 2013 đ	Năm 2012 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	511	VI.25	77,773,277,133	120,276,981,054
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	531	VI.26	0	28,534,360
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>05</i>			<i>0</i>	<i>28,534,360</i>
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		VI.27	77,773,277,133	120,248,446,694
4. Giá vốn hàng bán	11	632	VI.28	71,190,011,877	118,424,343,126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			6,583,265,256	1,824,103,568
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	515	VI.29	110,387,151	369,750,066
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	635	VI.30	1,231,519,564	33,251,015,676
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>	<i>N635</i>		<i>1,187,627,712</i>	<i>4,153,335,526</i>
8. Chi phí bán hàng	24	641		2,253,917,684	3,979,448,092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	642		3,472,285,656	3,610,382,073
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			(264,070,497)	(38,646,992,207)
11. Thu nhập khác	31	711		1,213,534,636	5,765,642,600
12. Chi phí khác	32	811		441,723,558	2,021,746,995
13. Lợi nhuận khác	40			771,811,078	3,743,895,605
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			507,740,581	(34,903,096,602)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	8211	VI.31	0	0
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	8212		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	421		507,740,581	(34,903,096,602)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		VI.35	42.31	(3,119)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Nguyễn Hồng Tuấn

Bùi Việt Vương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013 đ	Năm 2012 đ
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	70,695,674,700	136,709,594,019
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(69,492,755,544)	(100,380,288,470)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(4,800,413,872)	(7,351,616,236)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(1,212,869,760)	(4,288,696,255)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	0
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6,385,037,219	4,356,550,713
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3,014,404,405)	(1,891,247,629)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,439,731,662)	27,154,296,142
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(110,708,000)	(860,211,720)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	0	1,317,149,488
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(253,700,000)	(13,043,849,500)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	19,418,575,000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(9,000,000,000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2,823,400,000	11,760,280,000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,204,156	15,972,632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2,460,196,156	9,607,915,900
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	61,944,113,824	115,167,015,616
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(62,758,435,923)	(156,278,737,528)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(814,322,099)	(41,111,721,912)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	206,142,395	(4,349,509,870)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	104,987,904	4,454,497,774
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>(1,126,308)</i>	<i>0</i>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	310,003,991	104,987,904

Hà Nam, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

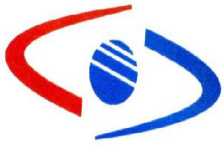
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Nguyễn Hồng Tuấn

Bùi Việt Vương



I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đông Nam Á. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.212.810 ngày 29/9/2009, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 04/12/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại đường Lê Chân, Khu công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2013 là **120.000.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Mã chứng khoán niêm yết: KSD.

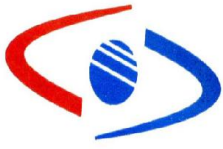
2. Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là sản xuất mắc áo, mắc quần xuất khẩu, nhập khẩu và bán máy móc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất đồ điện dân dụng: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt;
- Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ, và vật liệu tết bện;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất các mặt hàng: Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Xuất nhập khẩu hàng: điện lạnh, điện tử, điện cơ, điện máy, thiết bị, vật tư, đồ dùng gia đình khác, các sản phẩm từ khai thác, chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty;
- Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất các mặt hàng: cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại;
- Sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại "METAL HANGERS";
- Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì;
- Sản xuất chế biến các loại gỗ tự nhiên và công nghiệp;
- Sản xuất, gia công kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt may và may mặc, nguyên liệu, máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất;



3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Cho thuê nhà xưởng để làm văn phòng và xưởng sản xuất;
- Cho thuê kho bãi, thiết bị;
- Mua bán ô tô, xe máy, xe đạp;
- Mua bán vải, hàng sành sứ, vật tư ngành cơ khí;
- Hoạt động mua bán: rượu, bia, bánh kẹo;
- Mua bán gỗ chế biến, than đá, quặng, phế liệu;
- Xuất nhập khẩu khoáng sản, sắt thép;
- Xuất nhập khẩu, mua bán máy, thiết bị và vật tư, phụ tùng máy công, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu và mua bán các sản phẩm kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, gia công túi nilon và bao bì xuất khẩu;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu xe máy, xe có động cơ và phụ tùng các loại; và
- Mua, bán, xuất nhập khẩu ô tô và phụ tùng ô tô các loại.

II- KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

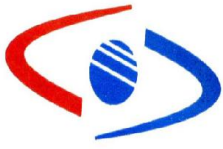
III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.



1. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 25/4/2013, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty đã áp dụng Thông tư 45 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho năm hiện hành.

Trong năm, Tổng Công ty Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 179/2012/TT-BTC như sau:

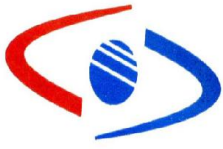
Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo VAS 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 179
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ).	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
Số dư cuối kỳ của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ	Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.	Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tổng Công ty nếu Tổng Công ty áp dụng VAS10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày ở phần thuyết minh số VIII. Những thông tin khác, mục số 5.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:



Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (đ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

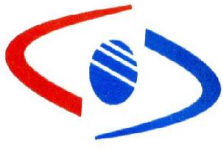
Tài sản cố định của Tổng Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/6/2013 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định*”.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt



động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn Tổng Công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Tổng Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

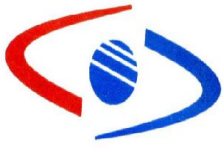
10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí đồ đất, san nền, đầm ép, không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình được phân bổ dần vào các đối tượng chi phí trong kỳ kế toán với thời gian phân bổ là 50 năm.

Phương pháp phân bổ: phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.



13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty và phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc tăng, giảm vốn điều lệ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Giá vốn được hạch toán theo thực tế phát sinh theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu đã ghi nhận.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ, các khoản lỗ do chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính và các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

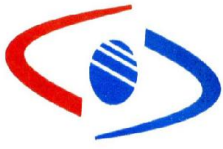
Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tổng Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy ưu đãi đầu tư số 1107/GCNUĐ ngày 23/9/2003 của UBND tỉnh Hà Nam cấp, được điều chỉnh lần thứ nhất theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000076 ngày 05/02/2010 của Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam. Năm 2013 là năm thứ 4 Tổng Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (theo Giấy ưu đãi đầu tư số 1107/GCNUĐ đơn vị được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.



Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

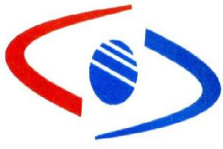
Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Trái phiếu và các khoản vay, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng. Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi mà không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được chuyển đổi được phân loại là nợ phải trả tài chính.

Trái phiếu chuyển đổi và các khoản vay chuyển đổi

Tại ngày 31/12/2013, Tổng Công ty không có bất kỳ khoản trái phiếu và các khoản vay, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định.

19. Bên liên quan



Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Tổng Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2013	31/12/2013	01/01/2013	01/01/2013
	Nguyên tệ	đ	Nguyên tệ	đ
Tiền mặt tại quỹ		289.425.987		3.113.707
Tiền gửi ngân hàng		20.578.004		101.874.197
+ Tiền gửi ngân hàng Đồng Việt Nam		9.516.931		98.357.181
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Hà Nam		2.022.275		1.999.717
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hà Nam		1.191.646		1.719.911
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam		6.303.010		79.707.349
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC		0		14.930.204
+ Tiền gửi ngân hàng USD	524,47	11.061.073	168,86	3.517.016
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Hà Nam	153,54	3.238.159	153,24	3.191.683
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam	370,93	7.822.914	15,62	325.333
Cộng		310.003.991		104.987.904

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Linh Sa	277.542.180	3.367.442.180
Công ty Cổ phần Khoáng sản Phi Kim	3.539.555.500	3.539.555.500
Công ty Cổ phần Klinh	0	4.000.000.000
Phải thu khác	0	14.620.895
Cộng	3.817.097.680	10.921.618.575

4. Hàng tồn kho



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO

Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Nguyên liệu, vật liệu	2.645.971.517	2.598.463.243
Công cụ, dụng cụ	64.250.000	5.750.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	0	194.676.509
Thành phẩm	1.117.200.693	303.135.900
Hàng hóa	3.158.094.618	188.770.545
Hàng gửi đi bán	0	3.317.793.399
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.985.516.828	6.608.589.596

3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Thuế TNDN nộp thừa	24.827.211	24.827.211
Cộng	24.827.211	24.827.211

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: đ
					Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	58.908.728.048	10.586.700.320	19.036.871.757	137.297.600	88.669.597.725
Thanh lý, nhượng bán	0	(993.808.060)	0	0	(993.808.060)
Giảm theo thông tư 45	(65.370.440)	(176.643.026)	0	(106.166.480)	(348.179.946)
Tại ngày 31/12/2013	58.843.357.608	9.416.249.234	19.036.871.757	31.131.120	87.327.609.719
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	8.460.630.540	6.240.667.343	3.583.266.607	66.186.903	18.350.751.393
Khấu hao trong kỳ	2.095.791.998	1.849.077.153	954.679.160	11.260.989	4.910.809.300
Thanh lý, nhượng bán	0	(665.203.621)	0	0	(665.203.621)
Giảm theo thông tư 45	(12.456.762)	(91.090.135)	0	(61.552.985)	(165.099.882)
Tại ngày 31/12/2013	10.543.965.776	7.333.450.740	4.537.945.767	15.894.907	22.431.257.190
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	50.448.097.508	4.346.032.977	15.453.605.150	71.110.697	70.318.846.332
Tại ngày 31/12/2013	48.299.391.832	2.082.798.494	14.498.925.990	15.236.213	64.896.352.529

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

+ Giá trị còn lại trước khi thay đổi theo Thông tư 45: 29.139.742.463 đồng

+ Giá trị còn lại sau khi thay đổi theo Thông tư 45: 29.139.742.463 đồng

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao ngày 31/12/2013 nhưng vẫn còn sử dụng:

+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình trước khi thay đổi theo Thông tư 45: 1.270.391.579 đồng

+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình sau khi thay đổi theo Thông tư 45: 1.231.919.579

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Đơn vị tính: đ
		Tổng cộng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2013	15.100.000	15.100.000
Giảm theo Thông tư 45	(15.100.000)	(15.100.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	0	0
GIA TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2013	14.156.254	14.156.254
Khấu hao trong năm	943.746	943.746
Giảm theo Thông tư 45	(15.100.000)	(15.100.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	0	0
GIA TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2013	943.746	943.746
Số dư tại ngày 31/12/2013	0	0

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	0	24.921.750
Chi phí sửa chữa dây truyền sơn	25.001.000	0
Cộng	25.001.000	24.921.750

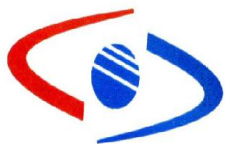
14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Chi phí san nền chuẩn bị mặt bằng xây dựng (*)	2.941.445.211	3.011.408.823
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	304.537.617	24.473.674
Chi phí sửa chữa dây truyền sơn và nhà xưởng	298.597.888	632.192.416
Chi phí nhà xưởng sản xuất	24.942.375	0
Cộng	3.569.523.091	3.668.074.913

(*) Đây là phần chi phí san nền để chuẩn bị mặt bằng xây dựng nhà xưởng của Tổng Công ty trên đất thuê của Nhà nước (đại diện là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam). Thời gian phân bổ tương ứng với thời gian thuê đất.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2013	01/01/2013	01/01/2013
	Nguyên tệ	đ	Nguyên tệ	đ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Hà Nam		17.040.895.047		16.947.997.077
- Vay ngắn hạn Đồng Việt Nam		0		9.211.840.957
- Vay ngắn hạn USD	808.008,30	17.040.895.047	371.430,59	7.736.156.120
Ngân hàng TNHH MTV HSBC		0		517.695.769
- Vay ngắn hạn USD	0,00	0	24.855,76	517.695.769
Công ty Cổ phần Kình		92.500.000		0
Vay cá nhân		720.000.000		986.180.000
- Lưu Văn Đông		250.000.000		0
- Lưu Tùng Lân		150.000.000		0
- Trần Thị Tuyết		150.000.000		0
- Nguyễn Thị Ánh		0		70.000.000
- Nguyễn Tiến Đạt		0		300.000.000
- Phan Thị Hồng Minh		0		200.000.000
- Lưu Quang Hiếu		50.000.000		100.000.000

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

- Hoàng Quốc Tùng	0	10.295.000
- Nguyễn Đức Nhuận	120.000.000	300.000.000
- Bùi Việt Vương	0	5.885.000
Cộng	17.853.395.047	18.451.872.846

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Thuế nhập khẩu	369.768.332	255.104.001
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	231.000.000	138.600.000
Cộng	600.768.332	393.704.001

17. Chi phí phải trả

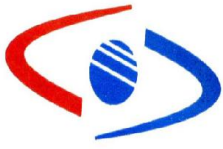
	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Phí hạ tầng phải trả Ban quản lý KCN Châu Sơn	36.520.000	73.040.000
Phí hạ tầng phải trả Ban quản lý KCN Hòa Xá	0	4.812.500
Lãi vay phải trả	23.990.235	49.232.283
Phí dịch vụ kiểm toán	80.000.000	0
Cộng	140.510.235	127.084.783

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Bảo hiểm xã hội	144.630.419	168.285.964
Bảo hiểm y tế	6.455.700	0
Bảo hiểm thất nghiệp	2.869.200	0
Thù lao HĐQT	14.000.000	0
Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.552.420	14.430.761
+ Lãi tiền phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội	37.162.260	13.796.001
+ Bảo hiểm xã hội giữ tại đơn vị	8.390.160	0
+ Tài sản thừa chờ giải quyết	0	634.760
Cộng	213.507.739	182.716.725

22. Nguồn vốn chủ sở hữu**a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Đơn vị tính: đ	
				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	107.375.000.000	50.000.000	50.000.000	(6.084.619.172)	101.390.380.828
- Tăng vốn trong năm trước	12.625.000.000	0	0	0	12.625.000.000
- Lỗi trong năm trước	0	0	0	(34.903.096.602)	(34.903.096.602)
Số dư cuối kỳ trước; Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	50.000.000	50.000.000	(40.987.715.774)	79.112.284.226
Lãi trong năm nay	0	0	0	507.740.581	507.740.581
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	50.000.000	50.000.000	(40.479.975.193)	79.620.024.807



- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>đ</u>	<u>đ</u>
Vốn góp của Nhà nước	0	0
Vốn góp của các đối tượng khác	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	<u>120.000.000.000</u>	<u>120.000.000.000</u>

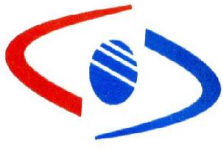
22. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận được chia

	Năm 2013	Năm 2012
	<u>đ</u>	<u>đ</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	107.375.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	12.625.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Năm trước	0	0
+ Năm nay	0	0

d - Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>đ</u>	<u>đ</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>



Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

e- Các quỹ của doanh nghiệp

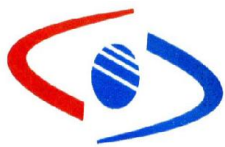
	31/12/2013	01/01/2013
	đ	đ
Quỹ đầu tư phát triển	50.000.000	50.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	50.000.000	50.000.000

() Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:*

- *Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.*
- *Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.*

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.773.277.133	120.276.981.054
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	76.553.350.607	119.138.874.524
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.219.926.526	1.138.106.530
26. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	28.534.360
- Giảm giá hàng bán	0	28.534.360
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.773.277.133	120.248.446.694
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng	76.553.350.607	119.110.340.164
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.219.926.526	1.138.106.530
28. Giá vốn hàng bán		

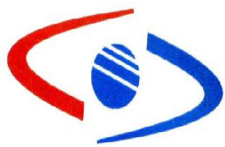
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	71.190.011.877	118.424.343.126
Cộng	71.190.011.877	118.424.343.126
28. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.204.156	348.581.812
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	62.757.538	21.168.254
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	46.425.457	0
Cộng	110.387.151	369.750.066
29. Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Chi phí lãi vay	1.187.627.712	4.153.335.526
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.891.852	79.189.973
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	0	29.018.490.177
Cộng	1.231.519.564	33.251.015.676
30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	507.740.581	(34.903.096.602)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	(507.740.581)	0
Lỗ năm trước chuyển sang	(654.366.703)	0
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN</i>	<i>99.000.000</i>	<i>0</i>
<i>Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh</i>	<i>84.000.000</i>	<i>0</i>
<i>Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền gửi ngân hàng và các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ</i>	<i>(36.373.878)</i>	<i>0</i>
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	0	(34.903.096.602)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0
33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.076.306.968	94.416.338.497
Chi phí nhân công	5.624.431.859	7.017.523.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.911.753.046	5.099.755.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.367.830.021	14.482.083.028
Chi phí khác bằng tiền	1.993.831.209	1.653.555.054
Cộng	77.974.153.103	122.669.254.746
35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		



	Năm 2013	Năm 2012
	đ	đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	507.740.581	(34.903.096.602)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	507.740.581	(34.903.096.602)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	11.189.378
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	42,31	(3.119,31)

37. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2013 và ngày 31/12/2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

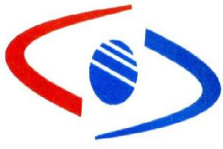
Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tổng Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

37.1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản (điểm)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (đ)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
Đồng	+200	(350.867.821)
Đồng	-200	350.867.821



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đồng	+200	(366.937.699)
Đồng	-200	366.937.699

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động nhỏ so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2013, Tổng Công ty không thực hiện nắm giữ bất kỳ khoản đầu tư cổ phiếu nào.

37.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

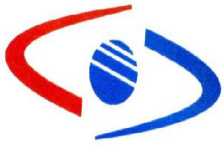
37.2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khác bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.



37.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm đ	Trên 1 năm đ	Tổng cộng đ
Tại ngày 01/01/2013			
Các khoản vay và nợ	18.451.872.846	0	18.451.872.846
Phải trả người bán	6.749.409.338	0	6.749.409.338
Chi phí phải trả	127.084.783	0	127.084.783
Cộng	25.328.366.967	0	25.328.366.967
Tại ngày 31/12/2013			
Các khoản vay	17.853.395.047	0	17.853.395.047
Phải trả người bán	4.436.473.610	0	4.436.473.610
Chi phí phải trả	140.510.235	0	140.510.235
Cộng	22.430.378.892	0	22.430.378.892

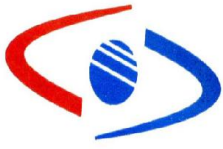
Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty đã sử dụng một phần nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng vào ngày 31/12/2013 và ngày 01/01/2013.

Tổng Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31/12/2013 và ngày 01/01/2013.

38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty:



Chỉ tiêu	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2013		01/01/2013		31/12/2013	01/01/2013
	Giá trị (đ)	Dự phòng (đ)	Giá trị (đ)	Dự phòng (đ)	(đ)	(đ)
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	310.003.991	0	104.987.904	0	310.003.991	104.987.904
Phải thu khách hàng	22.244.982.262	(330.000.000)	12.677.334.207	(231.000.000)	21.914.982.262	12.446.334.207
Phải thu khác	3.817.097.680	0	10.921.618.575	0	3.817.097.680	10.921.618.575
Cộng	26.372.083.933	(330.000.000)	23.703.940.686	(231.000.000)	26.042.083.933	23.472.940.686
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	17.853.395.047	0	18.451.872.846	0	17.853.395.047	18.451.872.846
Phải trả người bán	4.436.473.610	0	6.749.409.338	0	4.436.473.610	6.749.409.338
Chi phí phải trả	140.510.235	0	127.084.783	0	140.510.235	127.084.783
Cộng	22.430.378.892	0	25.328.366.967	0	22.430.378.892	25.328.366.967

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2013 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

3. Thông tin về các bên liên quan

▪ Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm 2013 là 868.475.540 đồng.

4. Thông tin báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO

Đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong năm tài chính 2013, tổng doanh thu cũng như tổng tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Hà Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và xuất khẩu mắc quần, mắc áo, kinh doanh thép. Do đó, Tổng Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Đơn vị tính: đ

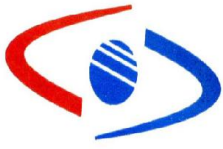
	Chỉ tiêu	Sản xuất và xuất khẩu mắc quần áo	Kinh doanh thép	Bán máy móc	Kinh doanh khác	Tổng cộng
1.	Doanh thu thuần					
-	Doanh thu thuần từ bán hàng	67.834.318.129	2.430.858.287	2.985.841.081	4.522.259.636	77.773.277.133
2.	Chi phí	67.716.256.629	3.389.079.387	2.095.422.230	3.715.456.972	76.916.215.217
-	Giá vốn	62.721.827.779	3.210.102.888	1.875.584.082	3.382.497.128	71.190.011.877
-	Chi phí phân bổ	711.191.565	25.485.712	31.304.287	47.412.475	815.394.040
-	Chi phí khấu hao	4.283.237.284	153.490.787	188.533.860	285.547.369	4.910.809.300
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(230.323.869)	(8.253.708)	(10.138.091)	(15.354.829)	(264.070.497)
4.	Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	0	0	0	0	0
5.	Tài sản bộ phận	90.187.400.814	3.231.886.112	3.969.749.439	6.012.455.843	103.401.492.207
6.	Tài sản không phân bổ	0	0	0	0	0
	Tổng tài sản	90.187.400.814	3.231.886.112	3.969.749.439	6.012.455.843	103.401.492.207
7.	Nợ phải trả bộ phận	20.742.338.302	743.306.432	913.008.747	1.382.813.919	23.781.467.400
8.	Nợ phải trả không phân bổ	0	0	0	0	0
	Tổng nợ phải trả	20.742.338.302	743.306.432	913.008.747	1.382.813.919	23.781.467.400

2. Ảnh hưởng của Thông tư 179/2012/TT-BTC đến các báo cáo tài chính năm hiện hành

Như đã trình bày ở thuyết minh số IV. Các chính sách kế toán áp dụng, mục số 1, trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo Thông tư 179, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong VAS10. Ảnh hưởng như sau:

	Thông tư 179	VAS 10	Chênh lệch
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lãi chênh lệch tỷ giá	75.489.452	58.294.427	17.195.025
Lỗ chênh lệch tỷ giá	(29.063.995)	(24.674.955)	(4.389.040)
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào Báo cáo KQKD	46.425.457	33.619.472	12.805.985

3. Thông tin so sánh



Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm tài chính 2012 của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nam, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Nguyễn Hồng Tuân

Bùi Việt Vương

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty
Chủ tịch HĐQT**

Trương Duy Thắng